TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày 27-4-2021
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thập và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Ktham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng Ch, địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh K, địa chỉ: Số 294 Bà Triệu, thành phố K, tỉnh K, có mặt;

- ***Bị đơn***: Bà Trần Thị Hoàng D, sinh năm 1971, địa chỉ: Số 99 Đ, phường Q, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 10/4/2018, Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh K(Sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) cho hộ gia đình bà Trần Thị Hoàng D vay số tiền 50.000.000 đồng để buôn bán văn phòng phẩm, lãi suất 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn

0,715%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/4/2019, theo mã món vay số 6600000712516639, người đứng tên vay bà Trần Thị Hoàng D với tư cách đại diện hộ gia đình (số nhân khẩu trong hộ: 01 người). Đến hạn bà D không trả được nợ, nên ngày 02/4/2019 ngân hàng cho gia hạn nợ đến ngày 06/4/2020.

Sau khi được gia hạn, ngày 07/3/2020 bà D đã trả được 6.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đến hạn trả nợ ngày 06/4/2020 bà D còn nợ gốc 44.000.000 đồng, nên ngày 07/5/2020 Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất 0,715%/tháng. Tính đến ngày 27/4/2021, bà D còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi tổng cộng là 48.157.092 đồng, trong đó nợ gốc 44.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.740.811 đồng, lãi quá hạn 2.416.281 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà D trả số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 27/4/2021 là 48.157.092 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 27/4/2021 đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay.

- ***Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị Hoàng D***: Bà D không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng.

- ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát***:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn bà D thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, chính quyền địa phương không biết bà phương đi đâu và khi nào quay trở về nhà. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà D và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, có sở khẳng định: Bà D còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày 27/4/2021 tổng cộng là 48.157.092 đồng, do đó yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối bà D là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị áp dụng Điều 5, khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, các điều 39, 207, 227 của BLTTDS; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 280, 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng, buộc bà D trả số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 27/4/2021 là 48.157.092 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 27/4/2021 đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay; buộc bà D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay vốn tín dụng đối với bà Trần Thị Hoàng D. Tại thời điểm thụ lý thì bà D có nơi cư trú tại số 99 Đ, phường Q, thành phố K, tỉnh K. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn bà Trần Thị Hoàng D không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Dung.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của ngân hàng buộc bà Trần Thị Hoàng D trả tiền nợ gốc và lãi suất, xét thấy: Theo Sổ vay vốn; Giấy đề nghị vay vốn; Sổ theo dõi cho vay và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 10/4/2018, Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh Kcho hộ gia đình bà D (nhân khẩu: 01 người) vay số tiền 50.000.000 đồng theo chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, lãi suất 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn 0,715%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/4/2019. Đến hạn, bà D không trả được nợ, nên ngân hàng cho gia hạn từ ngày 06/4/2019 đến ngày 06/4/2020. Sau khi được gia hạn, ngày 07/3/2020 bà D đã trả được 6.000.000 đồng, nợ gốc còn lại 44.000.000 đồng. Ngày 07/5/2020 Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất 0,715%/tháng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2021), bà D còn nợ ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi suất tổng cộng là 48.157.092 đồng, trong đó nợ gốc 44.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.740.811 đồng, lãi quá hạn 2.416.281 đồng. Do đó, yêu cầu của ngân hàng buộc bà D có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 27/4/2021 là 48.157.092 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 27/4/2021 đến khi trả hết nợ, là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Về án phí: Bà D phải trả cho ngân hàng số tiền 48.157.092 đồng, nên phải chịu 2.407.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của của Ngân hàng Ch, đề ngày 19/10/2020.

2. Buộc bà Trần Thị Hoàng D trả cho Chi nhánh Ngân hàng Ch tỉnh Ksố tiền nợ gốc và tiền lãi suất tính đến ngày 27/4/2021 là **48.157.092** (Bốn tám triệu, một trăm năm bảy nghìn, không trăm chín hai nghìn) đồng, theo mã món vay số 6600000712516639, ngày 10/4/2018, người đứng tên vay bà Trần Thị Hoàng D.

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL, đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 11; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Hoàng D phải chịu 2.407.000 (Hai triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/4/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Hoài

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP. Kon Tum;
- Chi cục THADS TP.Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Hoài